

Số: 2602 /QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng**

**Dự án: Hệ thống thu gom nước thải khu vực Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ**  
**Địa điểm: Quận Cẩm Lệ và huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của HĐND thành phố Đà Nẵng về việc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hệ thống thu gom nước thải khu vực Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ;*

*Căn cứ Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Quyết định số 3082/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch UBND thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết TL 1/500 Hệ thống thu gom nước thải khu vực Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ;*



Theo nội dung Công văn số 3997/UBND-ĐTĐT ngày 31/7/2023 của UBND thành phố về việc triển khai Nghị quyết của HĐND thành phố về quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công thành phố Đà Nẵng;

Theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1012/2023/CV-SH ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Công ty Cổ phần Thiết kế & Quy hoạch Sông Hàn về việc Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Hệ thống thu gom nước thải khu vực Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 9048/SXD-QLXD ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình dự án Hệ thống thu gom nước thải khu vực Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Hệ thống thu gom nước thải khu vực Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ.
2. Cấp quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.
3. Chủ đầu tư kiêm quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông.
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

Mục tiêu đầu tư xây dựng: Xây dựng hệ thống thu gom nước thải khu vực Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ với tỉ lệ thu gom 2,5Qtb nhằm thu gom nước thải về Trạm Xử lý nước thải Hòa Xuân, hạn chế nước thải xả trực tiếp ra sông Cái, sông Cẩm Lệ gây ô nhiễm môi trường, cải thiện sức khỏe, đời sống người dân khu vực dự án, phát triển kinh tế xã hội khu vực.

Quy mô đầu tư xây dựng:

a) Tuyến ống tự chảy

- Hướng tuyến:

+ Tuyến HX1 (CSO 02 - TB01): Bắt đầu từ đường Trần Tử Bình, dọc theo đường Nguyễn Hồng Ánh và đường Âu Dương Lân, kết thúc tại trạm bơm TB01, đường kính DN315÷DN500.

+ Tuyến HX2 (CSO 07 - HG04): Bắt đầu từ đường Trương Vĩnh Ký, dọc theo đường Trần Tử Bình, kết thúc tại HG04, đường kính DN315÷DN400.

+ Tuyến HX3 (HG05 - HG04): Bắt đầu từ đường Kha Vạn Cân, dọc theo đường Trần Tử Bình, kết thúc tại HG04, đường kính DN315.

+ Tuyến HX4 (CSO14 - TB01): Bắt đầu từ đường Huỳnh Tịnh Của, dọc

theo đường Võ Thành Mỹ, kết thúc tại trạm bơm TB01, đường kính DN315÷DN500.

+ Tuyến HX5 (CSO20 - TB02): Bắt đầu từ đường Đinh Gia Trinh, dọc theo đường Văn Tiến Dũng, kết thúc tại trạm bơm TB02, đường kính DN315÷DN560.

+ Tuyến HX6 (CSO16 - TB02): Đặt trong khuôn viên hồ điều hòa khu E phía dọc đường Đô Đốc Tuyết và Hoàn Sâm, kết thúc tại trạm bơm TB02; đường kính DN400÷DN500.

+ Tuyến HX7 (HG20 - TB03): Bắt đầu từ đường Mẹ Thứ, dọc theo đường Trần Nam Trung, kết thúc tại trạm bơm TB03, đường kính DN800.

+ Tuyến HX8 (CSO38 - HG21): Đặt dọc đường Dương Loan, từ CSO38 đến đường Trần Nam Trung, đường kính DN315.

+ Tuyến HX9 (HG12A - HG15): Bắt đầu từ đường Văn Tiến Dũng, chạy dọc đường Phan Thao, kết thúc tại đường Trần Nam Trung, đường kính DN315.

+ Tuyến HX10 (CSO14A - TB04): Đặt trong khuôn viên hồ điều hòa khu C phía dọc theo đường Đặng Hòa và Phạm Ngọc Nhân, điểm đầu là CSO14A và điểm cuối là trạm bơm TB04, đường kính DN315-DN500.

+ Tuyến HX11 (CSO23 - HG10): Bắt đầu từ đường Đặng Nhơn, chạy dọc đường Phan Thao, kết thúc tại đường Phạm Ngọc Nhân, đường kính DN315.

+ Tuyến HX12 (HG24A - HG22.2): Bắt đầu từ đường Đoàn Ngọc Nhạc, chạy dọc đường Phan Thao, kết thúc tại đường Phạm Ngọc Nhân, đường kính DN315÷DN400.

+ Tuyến HX13 (CSO43 - TB05): Đặt trong khuôn viên khu vực hồ nước khu E2 dọc đường Đỗ Tự và Hoàng Châu Kỳ, kết thúc đầu vào TB05, đường kính DN315÷DN500.

+ Tuyến HX14 (CSO44 - HG28): Bắt đầu từ đường Phù Đổng, chạy dọc theo đường Đặng Đức Siêu, kết thúc tại HG28 đường Đỗ Tự, đường kính DN315.

+ Tuyến HX15 (CSO47 - HG42): Bắt đầu từ đường Phù Đổng, chạy dọc theo đường Nguyễn Văn Xuân, kết thúc tại HG42 đường Đỗ Tự, đường kính DN315.

+ Tuyến HX16 (CSO66 - TB05): Bắt đầu từ đường Trần Nam Trung, chạy dọc đường Trương Minh Ký tới đường Văn Tiến Dũng thì đi vào bên trong khuôn viên khu vực hồ nước khu E2, kết thúc đầu vào TB05, đường kính DN315.

+ Tuyến HX17 (CSO54 - HG36): Bắt đầu từ đường Trần Nam Trung, chạy dọc theo đường Trương Minh Ký, kết thúc tại đầu vào HG36, đường kính

DN315.

+ Tuyến HX18 (CSO85 - HG22): Bắt đầu từ đường Trần Quốc Thảo, chạy dọc theo đường Trần Nam Trung, kết thúc đầu vào HG22 của Trạm xử lý nước thải Hòa Xuân, đường kính DN315÷DN900.

+ Tuyến HX19 (CSO74 - HG49): Bắt đầu từ đường Văn Tiến Dũng, chạy dọc đường Phạm Hữu Nghị, kết thúc đầu vào HG49, đường kính DN315.

+ Tuyến HX20 (CSO88 - HG49): Bắt đầu từ đường Liêm Lạc 15, chạy dọc theo đường Phạm Hữu Nghị, kết thúc đầu vào HG49, đường kính DN315.

+ Tuyến HX21 (HG53 - HG52.2): Bắt đầu từ đường Liêm Lạc 15, chạy dọc theo đường Lương Khắc Ninh, kết thúc đầu vào HG52.2 tại đường Trần Nam Trung, đường kính DN400.

+ Tuyến HX22 (CSO69 - TB06): Bắt đầu từ đường Huỳnh Tịnh Của, chạy dọc theo đường Phạm Hữu Nghị và Đô Đốc Lân, kết thúc đầu vào TB06, đường kính DN315÷DN500.

+ Tuyến HX23 (CSO79 - HG45): Bắt đầu từ đường Nhân Hòa 8, chạy dọc đường Phạm Hữu Nghị, tới đường Đô Đốc Lân, đường kính DN315.

+ Tuyến HX24 (CSO83 - HG50): Dọc đường Lương Khắc Ninh trong khuôn viên hồ điều hòa, kết thúc tại đường Đô Đốc Lân, đường kính DN315.

+ Tuyến HX25 (CSO84 - TB06): Bắt đầu từ đường Trần Nam Trung, chạy dọc theo đường Đô Đốc Lân, kết thúc đầu nối vào TB06, đường kính DN450.

- Tổng chiều dài các tuyến công tự chảy là 12.543m, đường kính từ DN315 đến DN900, vật liệu ống HDPE-PN6.

- Hồ ga có đường kính  $D=1000\text{mm}$  và  $D=1500\text{mm}$ , sử dụng bê tông cốt thép bền sunfat  $f'c=21\text{Mpa}$  (M250), bê tông lót  $f'c=8,5\text{Mpa}$  (M100) dày 100mm, lớp đệm đá dăm dày 100mm.

#### b) Giếng tách

Xây dựng 78 giếng tách nước thải (CSO) tại các vị trí cửa xả của các tuyến thoát nước chung. Kết cấu giếng tách nước thải như sau:

- Giếng tách bằng bê tông cốt thép bền sunfat  $f'c=25\text{Mpa}$  (M300), bê tông lót  $f'c=8,5\text{Mpa}$  (M100) dày 100mm, lớp đệm đá dăm dày 200mm.

- Bố trí song chắn rác bằng thép tròn D20 bọc nhựa HDPE.

- Bố trí 10 van cửa phai vận hành tự động bằng động cơ điện kết hợp thủ công tại các giếng tách và cửa xả ven sông, ven hồ điều hòa (CSO15, CSO16, CSO22, CSO43, CSO50, CSO67, CSO68, CSO84, cửa xả hồ khu C, cửa xả đường Trần Nam Trung). Vật liệu cửa phai bằng inox 304.

## c) Tuyến ống áp lực

## - Hướng tuyến:

+ Tuyến RM1: Từ trạm TB01 tới trạm bơm TB04, chạy dọc đường Võ Thành Mỹ và Nguyễn Xuân Lâm, đường kính DN400.

+ Tuyến RM2: Từ trạm TB02 tới hồ ga HG20, chạy dọc đường Văn Tiến Dũng và đường Mẹ Thứ, đường kính DN450.

+ Tuyến RM3: Từ trạm TB03 tới hồ ga HG22, chạy dọc đường Trần Nam Trung theo hướng về Trạm xử lý nước thải Hòa Xuân, đường kính DN710.

+ Tuyến RM4: Từ trạm TB04 tới hồ ga HG27, chạy dọc đường Nguyễn Xuân Lâm, đường kính DN500.

+ Tuyến RM5: Từ trạm TB05 tới hồ ga HG22, chạy dọc đường Văn Tiến Dũng và đường Hoàng Châu Kỳ, đường kính DN280.

+ Tuyến RM6: Từ trạm TB06 tới hồ ga HG52.1, chạy dọc đường Đô Đốc Lân và đường không tên rộng 33m, đường kính DN355.

- Tổng chiều dài các tuyến cống áp lực khoảng 4.637m, đường kính từ DN280 đến DN710, vật liệu ống HDPE-PN10.

- Hồ van xả cạn: Kích thước BxH=1000x1000mm, bằng bê tông cốt thép bền sunfat  $f'c=21\text{Mpa}$  (M250), bê tông lót  $f'c=8,5\text{Mpa}$  (M100) dày 100mm, lớp đệm đá dăm dày 100mm.

- Hồ van xả khí: Kích thước BxH=800x800mm, xây bằng gạch đặc mác M75, vữa xi măng mác M50, lớp lót bằng đá dăm dày 200mm. Lắp đặt bộ khử mùi dạng khung rọ lưới inox 304 chứa than hoạt tính trên nắp đan.

- Gối đỡ cút bằng bê tông cốt thép bền sunfat  $f'c=16\text{Mpa}$  (M200), bê tông lót  $f'c=8,5\text{Mpa}$  (M100) dày 100mm.

## d) Trạm bơm nước thải

- Xây dựng trạm bơm chìm TB01 có đường kính trong  $D=4,0\text{m}$ , bằng bê tông cốt thép bền sunfat  $f'c=25\text{Mpa}$  (M300). Công suất giai đoạn đến năm 2030 là  $Q=395\text{ m}^3/\text{h}$  (tương đương 109,7 l/s), lắp đặt 03 máy bơm chìm nước thải có công suất mỗi máy bơm là  $Q=220\text{ m}^3/\text{h}$  và  $H=14,3\text{m}$ , trong đó 02 máy bơm hoạt động và 01 máy bơm dự phòng.

- Xây dựng trạm bơm chìm TB02 có đường kính trong  $D=4,0\text{m}$ , bằng bê tông cốt thép bền sunfat  $f'c=25\text{Mpa}$  (M300). Công suất giai đoạn đến năm 2030 là  $Q=420\text{ m}^3/\text{h}$  (tương đương 116,7 l/s), lắp đặt 03 máy bơm chìm nước thải có công suất mỗi máy bơm là  $Q=234\text{ m}^3/\text{h}$  và  $H=11,8\text{m}$ , trong đó 02 máy bơm hoạt động và 01 máy bơm dự phòng.

- Xây dựng trạm bơm chìm TB03 có đường kính trong  $D=7,0\text{m}$ , bằng bê

tông cốt thép bền sunfat  $f'c=25\text{Mpa}$  (M300). Công suất giai đoạn đến năm 2030 là  $Q=1190\text{ m}^3/\text{h}$  (tương đương  $330,6\text{ l/s}$ ), lắp đặt 03 máy bơm chìm nước thải có công suất mỗi máy bơm là  $Q=662\text{ m}^3/\text{h}$  và  $H=11,9\text{m}$ , trong đó 02 máy bơm hoạt động và 01 máy bơm dự phòng.

- Xây dựng trạm bơm chìm TB04 có đường kính trong  $D=4,0\text{m}$ , bằng bê tông cốt thép bền sunfat  $f'c=25\text{Mpa}$  (M300). Công suất giai đoạn đến năm 2030 là  $Q=570\text{ m}^3/\text{h}$  (tương đương  $158,3\text{ l/s}$ ), lắp đặt 03 máy bơm chìm nước thải có công suất mỗi máy bơm là  $Q=317\text{ m}^3/\text{h}$  và  $H=11,3\text{m}$ , trong đó 02 máy bơm hoạt động và 01 máy bơm dự phòng.

- Xây dựng trạm bơm chìm TB05 có đường kính trong  $D=4,0\text{m}$ , bằng bê tông cốt thép bền sunfat  $f'c=25\text{Mpa}$  (M300). Công suất giai đoạn đến năm 2030 là  $Q=180\text{ m}^3/\text{h}$  (tương đương  $50,0\text{ l/s}$ ), lắp đặt 02 máy bơm chìm nước thải có công suất mỗi máy bơm là  $Q=180\text{ m}^3/\text{h}$  và  $H=11,8\text{m}$ , trong đó 01 máy bơm hoạt động và 01 máy bơm dự phòng.

- Xây dựng trạm bơm chìm TB06 có đường kính trong  $D=4,0\text{m}$ , bằng bê tông cốt thép bền sunfat  $f'c=25\text{Mpa}$  (M300). Công suất giai đoạn đến năm 2030 là  $Q=335\text{ m}^3/\text{h}$  (tương đương  $93,1\text{ l/s}$ ), lắp đặt 03 máy bơm chìm nước thải có công suất mỗi máy bơm là  $Q=186\text{ m}^3/\text{h}$  và  $H=13,3\text{m}$ , trong đó 02 máy bơm hoạt động và 01 máy bơm dự phòng.

- Xây dựng các hố thu trước trạm bơm có đường kính  $D=1500\text{mm}$ , bằng bê tông cốt thép bền sunfat  $f'c=25\text{MPa}$  (M300), bê tông lót  $f'c=8,5\text{MPa}$  (M100) dày  $100\text{mm}$ , lớp đệm đá dăm dày  $100\text{mm}$ . Bố trí giỏ lược rác bằng inox 304 tại các hố thu.

#### đ) Cấp điện

Quy mô hạng mục công trình: Xây dựng mới

- Đường dây trung thế ngầm  $22\text{kV}$ : 125 mét.
- Trạm biến áp 03 pha  $22/0,4\text{kV}$  công suất  $100\text{kVA}$ : 01 trạm.
- Đường dây hạ thế ngầm  $0,4\text{kV}$ : 637 mét.

Các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu:

- Đường dây trung thế:

+ Điểm đầu nối dự kiến cấp nguồn điện  $22\text{kV}$ : tại tủ RMU2 Trần Nam Trung thuộc Xuất tuyến trung thế 481/HXU.

+ Dây dẫn: sử dụng cáp ngầm đơn pha ruột đồng  $3\text{M}(x185)/\text{XLPE}/\text{PVC}/\text{DATA}/\text{PVC}-24\text{kV}$ . Cáp ngầm được luồn trong ống nhựa xoắn  $105/80$  chôn trong mương cáp vỉa hè ở độ sâu  $0,9$  mét; tại các điểm vượt đường, cáp ngầm được luồn trong ống nhựa siêu bền  $\Phi 125$  chôn ở độ sâu  $1$  mét, 02 đầu ống có bố trí hố ga cáp ngầm.

+ Hồ ga: kiểu hồ ga bằng bê tông, trong đó: bê tông hồ ga M200, đá 1x2; nắp hồ ga bố trí cốt thép, sử dụng bê tông M200, đá 1x2.

- Trạm biến áp:

+ Kiểu trạm biến áp hợp bộ 01cốt thép, trong đó máy biến áp đặt trên cột thép hộp.

+ Máy biến áp: sử dụng máy biến áp 03 pha điện áp 22/0,4kV công suất 100kVA.

+ Bảo vệ và thao tác đóng cắt phía trung thế máy biến áp bằng dao cắt tải LBS-24kV và cầu chì ống 22kV đặt trong tủ điện trung thế hợp bộ trạm biến áp. Bảo vệ phía thứ cấp máy biến áp bằng aptomat 03 pha đặt trong tủ điện hạ thế hợp bộ trạm biến áp.

+ Tiếp địa trạm biến áp: Sử dụng tiếp địa TĐG-6. Trị số tiếp địa trạm biến áp  $\leq 4\Omega$ .

- Đường dây hạ thế:

+ Dây dẫn: sử dụng cáp ngầm 03 pha ruột đồng M/PVC/XLPE/DSTA/PVC-0,6kV các loại, gồm: M(3x150+1x95), M(3x120+1x70), M(4x50), M(4x25), M(4x6). Cáp ngầm được luồn trong ống nhựa xoắn  $\Phi 105/80$ ,  $\Phi 65/50$ ,  $\Phi 50/40$  chôn trong mương cáp vỉa hè ở độ sâu 0,7 mét; tại các điểm vượt đường, cáp ngầm được luồn trong ống nhựa chịu lực fi 110 chôn ở độ sâu 1 mét, 02 đầu ống có bố trí hồ ga cáp ngầm.

+ Hồ ga: kiểu hồ ga bằng bê tông, trong đó: bê tông hồ ga M200, đá 1x2; nắp hồ ga bố trí cốt thép, sử dụng bê tông M200, đá 1x2.

Tất cả các chi tiết kết cấu thép đều mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ theo Tiêu chuẩn TCVN 5408: 2007.

#### e) Công tác hoàn trả

Trong quá trình thi công tuyến ống phải phá dỡ mặt đường bê tông nhựa, vỉa hè lát gạch, vỉa hè bê tông, bó vỉa, cây xanh, đường ống cấp nước, cáp thông tin... trong phạm vi thi công, và hoàn trả bằng kết cấu tương đương hiện trạng.

#### g) Biện pháp thi công

- Các tuyến công, giếng tách, hồ ga, hồ thu, hồ van xả cặn, xả khí, gôỉ đỡ được đề xuất thi công bằng biện pháp đào mở. Vách đào được gia cố bằng cừ thép I kết hợp thép tấm khi chiều sâu đào  $H \leq 2,0m$ , hoặc bằng cừ Larsen kết hợp văng chống khi chiều sâu đào  $H > 2,0m$ . Và trong suốt quá trình thi công phải bơm cạn nước cho hồ móng.

- Các trạm bơm được thi công theo phương án đánh tụt.

#### h) Tổ chức đảm bảo an toàn giao thông

- Thi công từng phân đoạn dài không quá 100m, mỗi đoạn có bố trí biển báo tạm ở hai đầu để cảnh báo và hướng dẫn giao thông.

- Bố trí rào chắn phạm vi thi công: đối với phạm vi thi công dưới lòng đường và dưới vỉa hè phía nhà dân sử dụng hàng rào tôn, đối với phạm vi thi công dưới vỉa hè phía bờ sông sử dụng hàng rào dây an toàn kết hợp cọc tiêu. Trên rào chắn có gắn đèn cảnh báo ban đêm.

- Khi thi công dưới lòng đường bố trí người cảnh báo, điều tiết giao thông ở hai đầu đoạn thi công.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng:

- Tổ chức Tư vấn khảo sát địa hình: Công ty TNHH đo đạc công trình và bản đồ NEH.

- Tổ chức Tư vấn khảo sát địa chất: Công ty TNHH Tư vấn Khảo sát xây dựng Toàn Chính.

- Tổ chức Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam và Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Công nghệ.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm xây dựng: Quận Cẩm Lệ và huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Diện tích đất sử dụng: 95.908m<sup>2</sup>.

7. Loại, nhóm dự án, cấp công trình

a) Nhóm dự án: Nhóm B.

b) Cấp loại: Loại công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp II.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

a) Số bước thiết kế: 2 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- QCVN 07:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- QCVN 02:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.

- QCVN 06:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình.



- QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại môi trường xung quanh.
- QCVN QTĐ-7:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện.
- TCVN 7957:2023 - Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 5574:2018 - Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép.
- TCVN 9345:2012 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt dưới tác động của khí hậu nóng ẩm.
- TCVN 9346:2012 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu bảo vệ chống ăn mòn trong môi trường biển.
- TCVN 1651: 2018 - Thép cốt bê tông.
- TCVN 2737: 2023 - Tải trọng và tác động.
- TCVN 9362:2012 - Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.
- TCVN 9379:2012 - Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán.
- TCVN 9115:2012 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công & nghiệm thu.
- TCVN 4453:1995 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu.
- TCVN 4447:2012 - Công tác đất - Thi công và nghiệm thu.
- TCVN 9113:2012 - Ống bê tông cốt thép thoát nước.
- TCVN 7305:2008 - Ống nhựa Polyetylen (PE) và phụ tùng dùng để cấp nước - Yêu cầu kỹ thuật, ISO 4427:2007.
- TCVN 5573:2011 - Kết cấu gạch đá - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 5575: 2012 - Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 7470:2005 - Thép tấm và thép băng phủ nhôm/kẽm nhúng nóng.
- TCVN 11823:2017 - Thiết kế cầu đường bộ.
- TCVN 13592:2022 - Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế.
- TCCS 38:2022/TCĐBVN - Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.
- TCVN 13567:2022 - Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu.
- TCVN 8859:2023 - Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường -

Thi công và nghiệm thu.

- TCVN 8857:2011 - Lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên  
- Vật liệu, thi công và nghiệm thu.

- TCVN 9436:2012 - Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu.

- 11TCN-2006 - Quy phạm trang bị điện.

- TCVN 9206:2012 - Tiêu chuẩn đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- Quy định Tiêu chuẩn kỹ thuật vật tư thiết bị lưới điện 0,4-110kV trong Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, mã hiệu: EVNCPK-KT/QĐ.17 ban hành kèm theo Quyết định số 242/QĐ-EVNCPK ngày 20/4/2022.

9. Tổng mức đầu tư của dự án: 420.413.129.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi tỷ, bốn trăm mười ba triệu, một trăm hai mươi chín nghìn đồng*), trong đó:

Chi phí xây dựng:	315.298.887.000	đồng
Chi phí thiết bị:	46.089.675.000	đồng
Chi phí quản lý dự án:	4.723.978.000	đồng
Chi phí tư vấn ĐTXD:	16.383.188.000	đồng
Chi phí khác:	7.577.049.000	đồng
Chi phí dự phòng :	30.340.352.000	đồng

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022 - 2026.

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách thành phố.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thực hiện quản lý dự án theo quy định.

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Dự án không phải di dời, bố trí tái định cư.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông có trách nhiệm triển khai dự án đảm bảo chất lượng, hiệu quả, hoàn chỉnh đầy đủ các hồ sơ thủ tục, trình tự đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định; thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND thành phố tại Công văn số 1007/UBND-ĐTĐT ngày 07/3/2023 và Công văn số 4525/UBND-SXD ngày 22/8/2023, các kiến nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 9048/SXD-QLXD ngày 20 tháng 11 năm 2023.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và

Môi trường; Giám đốc Kho bạc nhà nước Đà Nẵng; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định này thực hiện. / *g*

*Nơi nhận:*

- Như điều 4;
- Lưu: VT, SXD. *g*



Lê Trung Chính